

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính Quý 02.2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Từ ngày 20 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Đến ngày 07 tháng 04 năm 2020
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Đến ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Từ ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Từ ngày 07 tháng 08 năm 2019
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Từ ngày 07 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 này là ông Trần Vinh Quang.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính Quý 02/2020 của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính Quý 02/2020 cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Quý 02/2020, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020, tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 02/2020 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 02/2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính Quý 02/2020; và

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

- ▶ lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính Quý 02/2020 của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Quý 02/2020 cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính Quý 02/2020 kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Quý 02/2020 của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020, tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 02/2020 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 02/2020 cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30/06/2020 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 02/2020.

Thay mặt Ban Điều hành:




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 07 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.442.308.068	36.903.111.542
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	7.036.774.037	9.323.948.810
111	1. Tiền		1.036.774.037	823.948.810
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	8.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		27.102.000.000	27.270.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	27.270.000.000	27.270.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5	(168.000.000)	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	260.180.569	278.420.478
132	1. Trả trước cho người bán		-	11.990.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		256.818.925	262.871.574
135	3. Các khoản phải thu khác		3.361.644	3.558.904
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		43.353.462	30.742.254
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	43.353.462	30.742.254
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		305.186.880	372.107.338
260	I. Tài sản dài hạn khác		305.186.880	372.107.338
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	286.246.741	349.025.799
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	18.940.139	23.081.539
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.747.494.948	37.275.218.880
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.357.472.983	3.018.791.624
310	I. Nợ ngắn hạn		4.357.472.983	3.018.791.624
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	112.385.904	1.372.408.963
315	2. Phải trả người lao động		-	1.431.945.622
316	3. Chi phí phải trả	11	120.000.000	70.000.000
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.750.000.000	-
323	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		375.087.079	144.437.039
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.390.021.965	34.256.427.256
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.502.584.086	1.502.584.086
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.502.584.086	1.502.584.086
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.384.853.793	6.251.259.084
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.747.494.948	37.275.218.880

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30/06/2020.

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		27.000.000.000	27.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		27.000.000.000	27.000.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		28.507.322.278	10.159.902.758
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	20	28.507.322.278	10.159.902.758
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		436.279.680.599	352.390.591.188
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	21	436.279.680.599	352.390.591.188
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	22	-	601.620.000
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	23	1.610.850.313	1.197.461.272



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng





Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 07 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 02/2020 VND	Quý 2/2019 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
10	1. Doanh thu		1.525.166.632	1.776.340.560	3.174.968.160	3.581.496.897
11	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	13	1.525.166.632	1.776.340.560	3.174.968.160	3.581.496.897
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	14	1.242.864.561	1.125.621.664	2.353.389.433	2.140.265.649
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		282.302.071	650.718.896	821.578.727	1.441.231.248
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15	71.609.171	4.856.396.585	152.753.650	4.911.493.507
22	6. Chi phí hoạt động tài chính		168.000.000	-	168.000.000	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	323.105.427	350.726.602	663.526.440	631.792.345
30	8. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(137.194.185)	5.156.388.879	142.805.937	5.720.932.410
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		-	-	-	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-	-	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(137.194.185)	5.156.388.879	142.805.937	5.720.932.410
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.2	-	1.031.277.776	28.561.187	1.144.186.482
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(137.194.185)	4.125.111.103	114.244.750	4.576.745.928
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(55)	1.650	46	1.831

Signature

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 07 năm 2020

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Signature


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		142.805.937	5.720.932.410
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng		168.000.000	-
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(152.753.650)	(4.911.493.507)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		158.052.287	809.438.903
09	1. Giảm các khoản phải thu		18.239.909	(233.459.072)
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		(1.992.688.376)	(3.522.677.499)
12	3. Giảm chi phí trả trước		54.309.250	123.551.279
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(677.841.492)	(70.778.064)
16	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.439.928.422)	(2.893.924.453)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5	-	-
27	4. Lãi tiền gửi thu được		152.753.650	4.911.601.180
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		152.753.650	4.911.601.180
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.287.174.772)	2.017.676.727
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.323.948.810	8.307.305.103
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	7.036.774.038	10.324.981.830


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 17 tháng 07 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND		Đến 30/06/2019		Đến 30/06/2020		Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2019 VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.271.934.046	-	-	-	-	1.271.934.046	1.502.584.086	
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.271.934.046	-	-	-	-	1.271.934.046	1.502.584.086	
4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.214.735.062	4.576.745.928	115.176.688	114.244.749	3.980.650.040	6.676.304.302	2.384.853.793	
TỔNG CỘNG		29.758.603.154	4.576.745.928	115.176.688	114.244.749	3.980.650.040	34.220.172.394	30.390.021.965	

Signature

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Signature

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 07 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99.2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 10 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính Quý 02/2020 của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán Quý 02/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020, báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 02/2020, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 02/2020 và các thuyết minh báo cáo tài chính Quý 02/2020 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính Quý 02/2020, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020 và lưu chuyển tiền tệ Quý 02/2020 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cuối niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính Quý 02/2020 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán Quý 02/2020 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Lợi ích của nhân viên

3.7.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.7.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính Quý 02/2020.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- ▶ từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.11 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 02/2020, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 02/2020, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán Quý 02/2020 nếu, và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.12 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tiền mặt bằng VND	55.676.667	63.195.094
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	981.097.370	760.753.716
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	417.897.655	637.907.388
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	392.876.382	3.097.441
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13.295.619	13.265.099
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương-CN Hoàn Kiếm	157.027.714	106.483.788
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	6.000.000.000	8.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương-CN Hoàn Kiếm	6.000.000.000	8.500.000.000
	7.036.774.037	9.323.948.810

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	3.030.000.000	3.030.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư	(168.000.000)	
	27.102.000.000	27.270.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	-	-
Phải thu phí quản lý quỹ	256.818.925	262.871.574
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh 19)	123.594.985	135.785.042
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh 19)	114.998.819	127.086.532
- Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam (Thuyết minh 19)	18.225.121	
Trả trước người bán	-	11.990.000
- Công ty TNHH Gene Friend Việt Nam		6.930.000
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Chu Du Hai Bốn		5.060.000
Tạm ứng công việc	3.000.000	
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	361.644	558.904
	260.180.569	278.420.478

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	22.429.000	19.800.000
Cước dịch vụ internet	-	-0
Khác	20.924.462	10.942.254
	43.353.462	30.742.254

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	175.072.467	304.732.953
Công cụ. dụng cụ	62.541.251	10.350.001
Chứng thư số quốc tế	38.266.371	
Khác	10.366.652	33.942.845
	286.246.741	349.025.799

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	3.940.139	8.081.539
	18.940.139	23.081.539

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 17.2)	28.561.188	677.841.492
Thuế thu nhập cá nhân	83.824.716	694.567.471
	112.385.904	1.372.408.963

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.

12. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 178/QĐ-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	24.800.000.000	99.20	24.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.40	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.40	100.000.000
	25.000.000.000	100.00	25.000.000.000

13. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND	Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	885.458.955	901.296.663
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	885.458.955	901.296.663
- Khác		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	321.805.908	461.990.860
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	299.676.648	413.053.037
Công ty CP Finhay Việt Nam	18.225.121	
	1.525.166.632	1.776.340.560

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND</i>
Chi phí nhân viên	895.495.580	766.997.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.395.655	144.642.399
Chi phí thuê văn phòng	132.542.857	132.543.075
Thuế, phí và lệ phí	1.965.600	2.184.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.219.325	50.970.487
Chi phí bằng tiền khác	24.245.544	28.284.481
	<u>1.242.864.561</u>	<u>1.125.621.664</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND</i>
Lãi tiền gửi	71.609.171	56.396.585
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.800.000.000
	<u>71.609.171</u>	<u>4.056.396.585</u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	271.354.806	237.119.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.725.000	-
Thuế, phí và lệ phí	352.000	2.272.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.903.720	2.266.801
Chi phí khác	42.769.901	109.067.683
	<u>323.105.427</u>	<u>350.726.602</u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính Quý 02/2020 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2020 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 02/2020.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

17.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	(137.194.185)	5.156.388.879
<i>Điều chỉnh:</i>		
<i>Thù lao HĐQT</i>		
Lợi nhuận tính thuế ước tính	(137.194.185)	5.156.388.879
Chuyển lỗ	-	-
Thuế TNDN tạm tính (20%)	-	1.031.277.776
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	-	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	-	1.031.277.776

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (<i>đồng</i>)	(137.194.185)	4.125.111.103
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>đồng/cổ phiếu</i>)	(57)	1.650

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019 VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	885.458.955	1.802.593.326
		Tăng tiền gửi ủy thác	506.374.541.628	250.974.142.888
		Giảm tiền gửi ủy thác	(488.027.122.108)	(246.260.556.125)
		Chi cổ tức trong năm	-	-
		Phí lưu ký	(4.149.600)	(4.992.000)
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	717.259.125	962.758.076
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	-	-
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	668.566.004	816.145.495
Công ty CP Finhay Việt Nam		Thu phí quản lý đầu tư CK	18.225.121	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>
			<i>06 năm 2020</i>	<i>12 năm 2019</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	123.594.985	135.785.042
		Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
		Đầu tư ngắn hạn	3.030.000.000	3.030.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	114.998.819	127.086.532
Công ty CP Finhay Việt Nam		Thu phí quản lý đầu tư CK	18.225.121	
Lương của Ban Giám Đốc			453.744.000	1.751.074.727

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	10,159,902,758	103.379.232.224
Tăng trong kỳ	506.374.541.628	477.671.694.949
Giảm trong kỳ	(488.027.122.108)	(570.891.024.415)
Số cuối kỳ	28.507.322.278	10.159.902.758

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	436.279.680.599	352.390.591.188
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
SSI	18.509.993.466	36.628.010.600
LPB	-	27.051.340.000
TCB	11.551.976.442	21.533.055.500
NLG	13.458.307.137	15.748.430.500
TCM	14.199.519.444	12.589.210.000
CEO	8.594.849.023	8.634.395.259
MSN	400.000	400.000
CTD	339.000	339.000
KSB	-	100.250
FCN	94.150	94.150
VSC	55.900	55.900
DXG	-	34.700
MWG	43.051.302.676	-
REE	15.845.500.017	-
PNJ	28.368.485.062	-
LDG	2.976.463.800	-
MBB	1.493.500.000	-
VJC	933.800	-
DMC	428.400	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải thu cổ tức	-	389.600.000
Phải thu lãi tiền gửi	-	-
Phải thu bán chứng khoán	-	212.020.000
	<u>-</u>	<u>601.620.000</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.580.672.200	1.182.729.500
Phải trả phí khác	30.178.113	14.731.772
	<u>1.610.850.313</u>	<u>1.197.461.272</u>

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Dưới một (1) năm	<u>530.173.300</u>	<u>530.173.300</u>

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

25.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

25.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2020				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.036.774.037	6.000.000.000	-	13.036.774.037
Đầu tư ngắn hạn	27.102.000.000	-	-	27.102.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	256.818.925	-	256.818.925
Các khoản phải thu khác	-	3.361.644	-	3.361.644
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	18.940.139	18.940.139
	34.138.774.037	6.260.180.569	18.940.139	34.417.894.745
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	120.000.000	-	120.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	823.948.810	8.500.000.000	-	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	278.420.478	-	278.420.478
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	23.081.539	23.081.539
	28.093.948.810	8.778.420.478	23.081.539	36.895.450.827
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	70.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Quý 02/2020 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.036.774.037	4.211.949.506	13.036.774.037	4.211.949.506
Đầu tư ngắn hạn	27.102.000.000	27.270.000.000	31.422.000.000	40.470.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	256.818.925	312.390.524	256.818.925	312.390.524
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.361.644	29.414.827	3.361.644	29.414.827
Các khoản phải thu khác	18.940.139	100.000	18.940.139	100.000
	34.417.894.745	31.823.854.857	38.734.894.745	45.023.854.857
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	120.000.000	70.000.000	120.000.000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Quý 02/2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

B09a-CTQ

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 02/2020 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 02/2020.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 07 năm 2020

